

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

BÀI 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

Câu 1: Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của Sử học?

- A. Nhận thức, giáo dục và dự báo.
- B. Nghiên cứu, học tập và dự báo.
- C. Giáo dục, khoa học và dự báo.
- D. Nhận thức, khoa học và giáo dục.

Câu 2: Toàn bộ những hiểu biết của con người về quá khứ được gọi là

- A. lịch sử được con người nhận thức.
- B. khoa học lịch sử.
- C. hiện vật lịch sử.
- D. hiện thực lịch sử.

Câu 3: Nội dung nào sau đây không phải là một trong những nhiệm vụ cơ bản của Sử học?

- A. Trang bị tri thức.
- B. Giáo dục.
- C. Nhận thức.
- D. Đánh giá.

Câu 4: Ý nào dưới đây không thuộc nhiệm vụ của sử học?

- A. Truyền bá những giá trị, truyền thống tốt đẹp, giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.
- B. Dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại.
- C. Cung cấp tri thức về hiện thực lịch sử một cách khách quan, khoa học.
- D. Đề ra những chính sách phù hợp để phát triển đất nước.

Câu 5: Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và rút ra bài học kinh nghiệm hiện tại là chức năng nào của sử học?

- A. Chức năng xã hội.
- B. Chức năng khoa học.
- C. Chức năng giáo dục.
- D. Chức năng dự báo.

Câu 6: Ý nào dưới đây không phải là đối tượng nghiên cứu của sử học?

- A. Quá khứ của một cá nhân, một nhóm, một cộng đồng người.
- B. Quá khứ của toàn thể nhân loại.
- C. Quá khứ của một quốc gia, khu vực trên thế giới.
- D. Những hiện tượng tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ.

Câu 7: Thông qua việc tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm là nhiệm vụ nào của Sử học?

- A. Nhận thức.
- B. Dự báo.
- C. Giáo dục.
- D. Tuyên truyền.

Câu 8: Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ là chức năng nào của sử học?

- A. Khoa học.
- B. Xã hội.
- C. Giáo dục.
- D. Dự báo.

Câu 9: Xác định nội dung nào sau đây **không** phải là chức năng của sử học?

- A. Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức.
- B. Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống.
- C. Khôi phục các sự kiện lịch sử trong quá khứ.
- D. Góp phần dự báo về tương lai của đất nước.

Câu 10: Phân loại, đánh giá, thẩm định nguồn sử liệu đã thu thập được là quá trình của việc

- A. thu thập thông tin và sử liệu.
- B. xử lý thông tin và sử liệu.
- C. phân loại các nguồn sử liệu.
- D. lập thư mục các nguồn sử liệu.

BÀI 2: TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Câu 1: Lịch sử cung cấp cho con người những thông tin hữu ích nào sau đây?

- A. Quá khứ của chính con người và xã hội loài người.
- B. Quá trình phát triển và tiên bộ của xã hội loài người.
- C. Quá trình tiến hóa của con người trong lịch sử.
- D. Quá trình lao động sản xuất và tiến hóa xã hội.

Câu 2: Nhờ vào đâu con người biết về nguồn gốc tổ tiên của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc...?

- A. Tiến hóa.
- B. Nghiên cứu.
- C. Học tập.
- D. Lịch sử.

Câu 3: Yếu tố cốt lõi nào tạo nên ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc?

- A. Nghiên cứu và học tập.
- B. Dự đoán được tương lai.
- C. Hiểu biết về lịch sử.
- D. Hiểu biết về hiện tại.

Câu 4: Tại sao cần phải học tập và khám phá lịch sử?

- A. Học lịch sử giúp chúng ta dự đoán được quy luật phát triển của vạn vật trên trái đất.
- B. Học lịch sử giúp chúng ta hiểu được cội nguồn của bản thân, gia đình, quê hương.
- C. Lịch sử giúp chúng ta thay đổi được những sự kiện, hiện tượng xảy ra trong quá khứ.
- D. Sáng tạo và làm phong phú thêm hiện thực lịch sử.

Câu 5: Một trong những yếu tố giúp chúng ta hội nhập thành công với khu vực và thế giới trong xu thế hiện nay là phải

- A. học tập về lịch sử thế giới.
- B. giao lưu học hỏi về lịch sử.
- C. hiểu biết sâu sắc về lịch sử.
- D. tham gia diễn đàn lịch sử.

Câu 6: Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

- A. Tri thức, kinh nghiệm từ quá khứ rất cần cho cuộc sống hiện tại.
- B. Lịch sử là môn học khó, cần phải học suốt đời mới hiểu được lịch sử.
- C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng những điều bí ẩn.
- D. Tri thức, kinh nghiệm từ quá khứ góp phần định hướng cho tương lai.

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh **không đúng** về ý nghĩa của tri thức lịch sử?

- A. Giúp con người nhận thức sâu về nguồn cội.
- B. Giúp con người rút ra kinh nghiệm từ quá khứ.
- C. Giúp con người có thể thay đổi được quá khứ.
- D. Giúp con người có thể dự báo được tương lai.

Câu 8: Cơ hội nào thôi thúc lớp người đi sau tham gia tìm tòi, khám phá lịch sử?

- A. Sự phát triển của khoa học - công nghệ hiện đại ngày nay.
- B. Những khoảng trống và những bí ẩn trong nghiên cứu lịch sử.
- C. Xu thế hội nhập và không ngừng phát triển của thế giới hiện nay.
- D. Xu thế toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa giữa các quốc gia dân tộc.

Câu 9: Sử dụng tri thức lịch sử để giải thích và hiểu rõ hơn những vấn đề của cuộc sống hiện tại chính là

- A. tái hiện lịch sử trong cuộc sống hiện tại.
- B. mô phỏng lại lịch sử.
- C. kết nối lịch sử vào cuộc sống.
- D. khôi phục hiện thực lịch sử.

BÀI 3: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

Câu 1. Ngành nào sau đây đã góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia ?

- A. Du lịch.
- B. Kiến trúc.
- C. Kinh tế.
- D. Dịch vụ.

Câu 2. Công tác bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi...di sản được xem là nhiệm vụ

- A. thường xuyên.
- B. lâu dài.
- C. trước mắt.
- D. xuyên suốt.

Câu 3. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu của

- A. Sử học.
- B. Địa lí.
- C. Văn học.
- D. Toán học.

Câu 4. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị của mình sẽ góp phần phát triển

- A. kinh tế - chính trị.
- B. kinh tế - văn hóa.
- C. kinh tế - xã hội.
- D. chính trị - xã hội.

Câu 5. Một trong những cơ sở khoa học để bảo tồn và phát huy giá trị di sản là

- A. giá trị kinh tế - xã hội.
- B. giá trị lịch sử, địa lí.
- C. giá trị kinh tế, thương mại.
- D. giá trị lịch sử, văn hóa.

Câu 6. Di sản nào sau đây được xem là di sản văn hóa phi vật thể ?

- A. Cung điện.
- B. Nhà cổ.
- C. Lăng tẩm.
- D. Hát xoan.

Câu 7. Ca Trù là di sản văn hóa nào dưới đây?

- A. Di sản thiên nhiên
- B. Di sản văn hóa vật thể.
- C. Di sản văn hóa phi vật thể.
- D. Di sản ẩm thực.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** được xem là biện pháp để bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị của di sản văn hóa?

- A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
- B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.
- D. Làm mới lại các di sản văn hóa đang bị xuống cấp.

Câu 9. Biện pháp bảo tồn di sản có hiệu quả hiện nay là

- A. sưu tầm, lưu giữ, truyền nghề, trình diễn.
- B. cổ động, tái tạo, làm mới, nhân bản.
- C. tái tạo, nhân bản, truyền nghề, trình diễn.
- D. làm mới, nhân bản, cổ động, lưu giữ.

BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH, MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ TRUNG ĐẠI

Câu 1. Yếu tố tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội là

- A. văn học.
- B. văn hóa.
- C. văn tự.
- D. văn minh.

Câu 2. Đây là khái niệm văn minh của loài người?

- A. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.
- C. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.
- D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 3. Đây là khái niệm văn hóa của loài người?

- A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.

- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.
- C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
- D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 4. Một trong những hệ thống chữ viết cổ nhất thế giới, mô phỏng vật thật để nói lên ý nghĩ của mình là chữ viết nào?

- A. Chữ giáp cốt.
- B. Chữ Phạn.
- C. Chữ tượng hình.
- D. Chữ La-tinh.

Câu 5. Đây là công trình kiến trúc tiêu biểu của người Ai Cập cổ đại?

- A. Lăng mộ Ta-giơ-Ma-han.
- B. Kim tự tháp.
- C. Đền Pac-tê-nông.
- D. Vạn lý trường thành.

Câu 6. Văn học Ấn Độ trở thành nguồn cảm hứng không chỉ trong nước mà nó còn lan một số nơi khác trên thế giới, tiêu biểu là ở khu vực nào?

- A. Phía Tây châu Á.
- B. Đông Bắc Á.
- C. Đông Nam Á.
- D. Châu Đại Dương.

Câu 7. Đất nước nào được coi là quê hương của nhiều tôn giáo lớn như Hin-đu giáo, Phật giáo...?

- A. Việt Nam.
- B. Trung Quốc.
- C. Ai Cập.
- D. Ấn Độ.

Câu 8. Tôn giáo nào sau đây bắt nguồn từ tín ngưỡng cổ xưa của người Ấn Độ?

- A. Hồi giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Thiên chúa giáo.
- D. Hin-đu giáo.

Câu 9. Tôn giáo nào ra đời ở Ấn Độ vào thế kỉ I TCN và trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới?

- A. Nho giáo.
- B. Bà La Môn giáo.
- C. Hin-đu giáo.
- D. Phật giáo.

Câu 10. Tiêu biểu nhất cho nền văn học Trung Hoa thời cổ-trung đại là loại hình nào?

- A. Truyền thuyết, truyện ngắn.
- B. Thơ Đường, tiểu thuyết.
- C. Thơ ca, truyện ngụ ngôn.
- D. Văn học viết, thần thoại.

Câu 11. Một trong những hệ thống chữ viết cổ nhất của cư dân Trung Hoa cổ đại là chữ viết nào?

- A. Chữ La-tinh.
- B. Chữ Phạn.
- C. Chữ giáp cốt.
- D. Chữ tượng hình.

Câu 12. Học thuyết tư tưởng và tôn giáo nào sau đây đã hình thành ở Trung Hoa thời cổ-trung đại?

- A. Nho giáo.
- B. Tin lành.
- C. Thiên Chúa giáo.
- D. Phật giáo.

Câu 13. Về toán học, người Trung Hoa thời cổ-trung đại không đạt được thành tựu nào sau đây?

- A. Nêu ra phương pháp tính diện tích.
- B. Tính được số pi tới 7 chữ số.
- C. Phát minh ra số 0 (không).
- D. Biên soạn Cửu chương toán thuật.

Câu 14. Thành tựu nào dưới đây **không** thuộc “Tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại?

- A. Kĩ thuật làm giấy.
- C. Thuốc súng.
- B. Kĩ thuật làm lịch.
- D. La bàn.

Câu 15. Từ rất sớm, các thuyết tư tưởng, tôn giáo ra đời ở Trung Hoa với mục đích gì?

- A. Hướng con người đến cái thiện, tránh cái ác.
- B. Giải thích về thế giới và các biện pháp cai trị đất nước.

- C. Giáo dục con người yêu quê hương, đất nước.
- D. Giải thích sự ra đời của con người trên thế giới.

Câu 16. Văn hóa có nét khác biệt với văn minh về

- A. trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.
- B. những tiêu chuẩn riêng để nhận diện.
- C. tạo ra đặc tính, bản sắc của xã hội.
- D. sự tiên bộ về vật chất và tinh thần.

Câu 17. Chữ Nôm của người Việt Nam là cải biên từ chữ viết nào?

- A. Chữ La-tinh của người La-mã.
- B. Chữ giáp cốt của người Trung Quốc.
- C. Chữ Hán của người Trung Quốc.
- D. Chữ Phạn của người Ấn Độ.

Câu 18. Công trình kiến trúc nào sau đây không phải là thành tựu văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại ?

- A. Kim tự tháp Kê - ôp.
- B. Lăng Ta-giơ-ma-han.
- C. Vạn lý trường thành.
- D. Đền Pác – tê – nông.

Câu 19: Nền văn minh nào ở phương Đông tồn tại liên tục, lâu đời và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới?

- A. Hy Lạp - La Mã.
- B. Trung Hoa.
- C. Luỡng Hà.
- D. Ai Cập.

Bài 5: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI KÌ CỔ TRUNG ĐẠI

Câu 1: Nền văn minh tiêu biểu ở phương Tây thời kì cổ trung đại là

- A. Trung Quốc.
- B. Hy Lạp- La Mã.
- C. Ấn Độ.
- D. Ai Cập.

Câu 2: Hệ chữ cái La-tinh và hệ chữ số La Mã là thành tựu của cư dân cổ nào sau đây?

A. Hy Lạp – La Mã. B. Ấn Độ. C. Lưỡng Hà. D. Trung Quốc.

Câu 3: Văn học phương Tây hình thành trên cơ sở nền văn học cổ đại đồ sộ của

A. Đức. B. Anh. C. Hy Lạp - La Mã. D. Pháp.

Câu 4: Đây là những thể loại tạo nguồn cảm hứng và phong phú cho nền văn học cổ đại Hy Lạp –La Mã?

A. Thần thoại, thơ, văn xuôi, kịch. B. Kí sự, thần thoại, truyện cười.

C. Văn học dân gian, truyện ngắn. D. Tiểu thuyết, thơ ca, kịch.

Câu 5: Trong nghệ thuật, người Hy Lạp – La Mã cổ đại đã đạt được những thành tựu rực rỡ trong lĩnh vực nào dưới đây?

A. Xây chùa. B. Kiến trúc. C. Sân khấu. D. Dân gian.

Câu 6: Đền Pác –tê-nông, đền thờ thần Dớt, đấu trường Cô-li-dê... là những thành tựu của người Hy Lạp – La Mã cổ đại trên lĩnh vực

A. kiến trúc. B. điêu khắc. C. hội họa. D. xây dựng.

Câu 7: Thành tựu tính lịch 1 năm có 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày là thành quả rất lớn của người

A. Hy Lạp. B. La Mã. C. Ai Cập. D. Trung Quốc.

Câu 8: Tôn giáo cổ xưa nhất và được coi là chính thống giáo của người Hy Lạp - La Mã cổ đại là

A. Phật giáo. B. Nho giáo. C. Cơ Đốc giáo (Ki tô giáo). D. Hin-đu giáo.

Câu 9: Về văn học, người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo ra những tác phẩm nổi tiếng nào?

A. Bộ sử thi I-li-át. C. Nhiều vở kịch của tác giả Ê-sin.

B. Bộ sử thi Ô-đi-xê. D. Hai bộ sử thi I-li-át và Ô-đi-xê.

Câu 10: Năm 776 TCN, tại đền thờ thần Dớt ở Ô-lim-pi-a (Hy Lạp) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Chính quyền La Mã chính thức công nhận Cơ Đốc giáo.

B. Các cuộc đấu tranh của nô lệ và dân nghèo bùng nổ.

C. Đại hội thể thao Pa-na-thê-nai-a tại A-ten.

D. Đại hội Ô-lim-píc theo định kì 4 năm 1 lần.

Câu 11: Lê-ô-na đờ Vanh-xi là một nhà danh họa, nhà điêu khắc nổi tiếng nhất trong thời kì văn hóa nào?

A. Cổ đại Hy Lạp - La Mã. B. Ai Cập cổ đại.

C. Ấn Độ cổ đại. D. Phục hưng đầu thời cận đại.

Câu 12: Văn hoá Phục hưng đã đề cao vấn đề nào dưới đây?

A. Giá trị nhân bản và tự do. B. Giá trị nhân bản, nhân văn.

C. Khoa học, nhân văn. D. Độc lập và tự do.

Câu 13: Phong trào Văn hoá Phục hưng đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

A. khoa học tự nhiên. B. kiến trúc và xây dựng. C. văn học và nghệ thuật. D. triết học và lịch sử.

Câu 14: Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng?

A. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời.

B. Đề cao giá trị nhân bản và tự do cá nhân.

C. Đề cao quyền độc lập của các dân tộc.

D. Xây dựng thế giới quan tiến bộ của giai cấp tư sản.

Câu 15: Vì sao nói chữ viết là cống hiến lớn lao của văn minh phương Tây cổ đại?

A. Kí hiệu ít, đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa sự vật, hiện tượng.

B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay.

C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã.

D. Đơn giản, khoa học, khả năng ghép chữ linh hoạt, dễ phổ biến.

Câu 16: Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây so với phương Đông xuất phát từ

A. cách tính lịch dựa theo sự chuyển động của mặt trăng.

B. việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất.

C. sự hiểu biết chính xác về trái đất và hệ mặt trời.

D. việc tính lịch dựa theo sự chuyển động của mặt trời.

Câu 17: So với nền văn hóa cổ đại phương Đông thì nền văn hóa cổ đại phương Tây được đánh giá là

A. có nhiều nhà khoa học lớn và có nhiều lĩnh vực được nghiên cứu hơn.

B. tất cả các lĩnh vực văn hóa đều đạt trình độ hoàn hảo và có giá trị cao.

C. hình thành muộn hơn nhưng có tính chính xác và hiểu biết cao hơn.

D. đều hình thành cùng thời gian nhưng văn hóa phương Đông phát triển cao hơn.

BÀI 6 : CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

Câu 1. Quốc gia khởi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giữa thế kỉ XVIII là

- A. Anh. B. Mĩ. C. Đức. D. Pháp.

Câu 2. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật ở Anh chủ yếu diễn ra trong các ngành nào?

- A. Dệt, luyện kim và phát minh máy móc. B. Ngành luyện kim, khai thác mỏ và dệt.
C. Dệt, luyện kim và giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ, dệt và giao thông vận tải.

Câu 3. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là

- A. máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước, đầu máy xe lửa.
B. máy dệt, máy kéo sợi, máy hơi nước, máy bay.
C. máy dệt, máy kéo sợi, ô tô, máy hơi nước.
D. máy dệt, máy hơi nước, tàu thủy, điện thoại.

Câu 4. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật và máy móc ở Anh diễn ra đầu tiên trong ngành nào?

- A. Dệt. B. Ngành luyện kim. C. Giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ.

Câu 5. Năm 1807, Rô-bốt Phơ-ơn đã chế tạo thành công

- A. đầu máy xe lửa chạy trên đường ray đầu tiên. B. tàu thủy chở khách chạy bằng hơi nước.
C. máy kéo sợi chạy bằng sức nước. D. máy bay chạy bằng động cơ xăng.

Câu 6. Phát minh nào trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay và thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ?

- A. Phương pháp nấu than cốc. B. Chế tạo ra hệ thống máy tự động.
C. Phát minh Động cơ đốt trong. D. Phương pháp luyện kim “put-đinh”.

Câu 7. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở thế kỉ XVIII - XIX là máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước và

- A. đầu máy xe lửa. B. máy bay, ô tô. C. điện thoại. D. tàu thủy, máy bay.

Câu 8. Giêm Ôát là người đã phát minh ra

- A. con thoi bay. B. máy dệt. C. máy hơi nước. D. đầu máy xe lửa.

Câu 9. Thành tựu khoa học và kĩ thuật quan trọng nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là

- A. máy hơi nước và điện. B. động cơ đốt trong và ô tô.
C. máy hơi nước và điện thoại. D. điện và động cơ đốt trong.

Câu 10. Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở thế kỉ XVIII - XIX, phát minh kĩ thuật nào đã tạo ra bước chuyển căn bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa?

- A. Động cơ đốt trong. B. Máy kéo sợi Gien-ni. C. Máy tính điện tử. D. Máy hơi nước.

Câu 11: “Ông vua xe hơi” nước Mỹ là ai?

- A. Tô-mát Ê-đi-xơn. B. Hen-ri Pho. C. Can Ben. D. Hen-ri Bê-sê-mơ.

Câu 12. Trong các thế kỉ XVIII - XIX, những thành tựu đạt được trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã đưa con người bước sang thời đại

- A. “văn minh công nghiệp”. B. “văn minh nông nghiệp”.
C. “văn minh thông tin”. D. “văn minh trí tuệ”.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Tự động hóa hoàn toàn quá trình sản xuất. B. Góp phần cải thiện cuộc sống con người.
C. Thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển. D. Làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất.

Câu 14. Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào nửa sau thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX ở châu Âu là quá trình

- A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nước tư bản châu Âu.
B. hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và công nhân.
C. cơ khí hóa nền sản xuất thay thế cho lao động thủ công.
D. hình thành nền tảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

BÀI 7 : CÁC MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI (TIẾT 1)

Câu 1. Thời hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn được gọi là

- A. cách mạng 4.0. B. cách mạng kĩ thuật số.
C. cách mạng kĩ thuật. D. cách mạng công nghệ.

Câu 2. Những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba là gì?

- A. Máy tính, rô-bốt, internet, vệ tinh nhân tạo. B. Máy bay, máy tính, internet, vệ tinh nhân tạo.

C. Máy tính, rô-bốt, internet, trí tuệ nhân tạo.

D. Tên lửa, rô-bốt, internet, vệ tinh nhân tạo.

Câu 3. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là

A. Ro bot.

B. vệ tinh.

C. tàu chiến.

D. máy tính.

Câu 4. Trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin là

A. mạng kết nối Internet không dây.

B. mạng kết nối Internet có dây.

C. máy tính điện tử.

D. vệ tinh nhân tạo.

Câu 5. Tự động hóa và công nghệ Robot ra đời có điểm hạn chế là gì?

A. Nguy cơ người lao động bị mất việc làm.

B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của sử học. Nêu ví dụ cụ thể.

Câu 2. Trình bày thành tựu chính của văn minh Ai cập.

Câu 3: Trình bày những thành tựu của văn minh Trung Quốc thời cổ - trung đại. Lấy ví dụ về một số thành tựu của văn minh Trung Quốc ảnh hưởng đến Việt Nam.

Câu 4: Trình bày thành tựu nổi bật của văn minh Hi Lạp - La Mã.

Câu 5. Lập bảng thống kê những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai.